

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022

HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Căn cứ Quyết định số 128/CP ngày 14 tháng 8 năm 1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Hà Nội 2;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1598/QĐ-DHSPHN2 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội 2 ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tại Biên bản họp ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc thông qua các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sửa đổi, bổ sung năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm KT&DBCLGD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng TC-HC, Đào tạo, Tài vụ; Giám đốc Trung tâm KT&DBCLGD, trưởng các khoa, Viện trưởng Viện CNTT và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);

- Lưu: TC-HC, ĐT, KT&DBCLGD (6). 



Nguyễn Quang Huy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành theo Quyết định số 1580/QĐ-DHSPHN2 ngày 15 tháng 8 năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

Tiếng Anh: Education Management

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản lý giáo dục;

Mã số: 8140114

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Quản lý giáo dục

Định hướng đào tạo: Nghiên cứu

Thời gian đào tạo: 02 năm

Vị trí việc làm: Lãnh đạo, quản lí và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục, các trường mầm non hoặc phổ thông...; Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng có liên quan đến ngành, chuyên ngành đào tạo

Khả năng học tập nâng cao trình độ: học tập ở trình độ tiến sĩ về Quản lý giáo dục

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 7/2022

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu giúp người học có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập và sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề để triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
M1	Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, ý thức công dân và đạo đức nghề nghiệp
M2	Hình thành nền tảng kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng và hiện đại liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục
M3	Phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến
M4	Phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực quản lý giáo dục
M5	Phát triển năng lực truyền bá, phổ biến tri thức khoa học thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục
M6	Phát triển năng lực tư vấn, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục
M7	Phát triển năng lực quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về lĩnh vực quản lý giáo dục

Mã	Mô tả
M8	Phát triển năng lực tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

Mã	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Thể hiện sự trung thực, đoàn kết, cầu thị, hợp tác, tư duy độc lập, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc
C3	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
C4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học
C5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản lý giáo dục và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan để thực hiện các nghiên cứu khoa học
C6	Cập nhật các thành tựu và xu hướng nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục
C7	Xác định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý giáo dục, vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.
C8	Phổ biến kết quả nghiên cứu trong các hội nghị/hội thảo/tạp chí khoa học chuyên ngành
C9	Tư vấn, tổ chức, quản lý và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục
C10	Tổ chức hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành
C11	Tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học về lĩnh vực quản lý giáo dục

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x		x	x			x	x
C2	x		x	x	x		x	
C3				x	x	x		x
C4		x	x	x	x		x	
C5		x	x	x		x		
C6		x		x	x	x		x
C7		x		x		x		x
C8				x	x	x		
C9						x	x	
C10					x		x	
C11					x	x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	9
I.1	Triết học	4
I.2	Tiếng Anh	5
II	Kiến thức cơ sở	14
II.1	Bắt buộc	8
II.2	Tự chọn	6
III	Kiến thức chuyên ngành	14
III.1	Bắt buộc	8
III.2	Tự chọn	6
IV	Nghiên cứu khoa học	24
IV.1	Các chuyên đề nghiên cứu	12
IV.2	Luận văn tốt nghiệp	12
	TỔNG	61

4. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập; Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

* Danh mục ngành phù hợp: Quản lý giáo dục.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2.

- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo với tổng khối lượng 37 tín chỉ (không tính các chuyên đề nghiên cứu).

- Hoàn thành 03 chuyên đề nghiên cứu, mỗi chuyên đề nghiên cứu có khối lượng 04 tín chỉ.

- Hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu trong thời gian ít nhất 06 tháng, kết quả được thể hiện bằng luận văn.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng

cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;
- d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần (trừ chuyên đề nghiên cứu)

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá chuyên đề nghiên cứu

Các chuyên đề nghiên cứu được đánh giá bởi hội đồng chuyên môn. Điểm của một chuyên đề nghiên cứu là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng theo thang điểm 10; Chuyên đề được xếp loại Đạt khi điểm chuyên đề lớn hơn hoặc bằng 5,0 điểm.

6.2.4. Đánh giá luận văn

Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận văn. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; Luận văn được xếp loại Đạt khi điểm luận văn lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Tự học, tự nghiên cứu	
				Lên lớp		Thực hành			
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận				
I. Khối kiến thức chung			9						
1	Triết học	PHIL502	4	42	36			122	
2	Tiếng Anh	ENGL503	5	45		60		145	
II. Khối kiến thức cơ sở			14						
II.1. Bắt buộc			8						
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	EDSC511	2	15	30			55	
4	Tâm lí học giáo dục	EDSC512	2	15	30			55	
5	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	EDSC513	2	15	30			55	
6	Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục	EDMA527	2	15	30			55	
II.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 7 học phần sau)			6						
7	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	CMMS504	2	15	30			55	
8	Chuẩn giáo dục và lý thuyết chương trình giáo dục	EDSC521	2	15	30			55	
9	Văn hóa nhà trường hiện đại	EDSC522	2	15	30			55	
10	Giáo dục so sánh	EDSC523	2	15	30			55	
11	Tâm lý học quản lý, lãnh đạo	EDMA524	2	15	30			55	
12	Kinh tế học giáo dục	EDMA525	2	15	30			55	
13	Xã hội học giáo dục	EDMA526	2	15	30			55	
III. Khối kiến thức chuyên ngành			14						
III.1. Bắt buộc			8						
14	Những vấn đề cơ bản của quản lí giáo dục	EDMA541	2	15	30			55	
15	Tiếp cận quản lí giáo dục hiện đại	EDMA542	2	15	30			55	
16	Thể chế nhà nước trong giáo dục	EDMA543	2	15	30			55	
17	Phương pháp và kỹ năng quản lí nhà trường	EDMA544	2	15	30			55	
III.2. Tự chọn (Chọn 3 trong số 7 học phần sau)			6						

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Lên lớp	Thực hành	Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận					
18	Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục	EDMA551	2	15	30					55
19	Quản lí chương trình giáo dục	EDMA552	2	15	30					55
20	Quản lí nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục	EDMA553	2	15	30					55
21	Quản lí tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục	EDMA554	2	15	30					55
22	Quản lí chuyên môn trong giáo dục	EDMA555	2	15	30					55
23	Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục	EDMA556	2	15	30					55
24	Quản lí chất lượng trong giáo dục	EDMA557	2	15	30					55
IV. Nghiên cứu khoa học				24						
<i>IV.1. Các chuyên đề nghiên cứu</i>				12						
25	Chuyên đề nghiên cứu 1				04					200
26	Chuyên đề nghiên cứu 2				04					200
27	Chuyên đề nghiên cứu 3				04					200
<i>IV2. Luận văn tốt nghiệp</i>				12						
TỔNG CỘNG:				61						

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL502	T				I		I				
ENGL503			T		I	I			I		
EDSC511	T	T		T	T			T	T	T	T
EDSC512		T			T	T					
EDSC513		T			T	T					
EDMA527		T			T	T					
CMMS504		T			T	T					
EDSC521		T			T	T					
EDSC522		T			T	T					
EDSC523		T			T	T					
EDMA524		T			T	T					
EDMA525		T			T	T					
EDMA526		T			T	T					
EDMA541		T			T	T	T		T	T	T
EDMA542		T			T	T	T		T	T	T
EDMA543		T			T	T	T		T	T	T

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
EDMA544		T			T	T	T		T	T	T
EDMA551		T			T	T	T		T	T	T
EDMA552		T			T	T	T		T	T	T
EDMA553		T			T	T	T		T	T	T
EDMA554		T			T	T	T		T	T	T
EDMA555		T			T	T	T		T	T	T
EDMA556		T		T	T	T	T		T	T	T
EDMA557		T			T	T	T		T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 1	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 2	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Chuyên đề nghiên cứu 3	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T
Luận văn tốt nghiệp	TU	T	U	U	T	T	T	T	T	T	T

7.3. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Tên học phần	Năm/học kỳ			
		I		II	
		1	2	3	4
PHIL502	Triết học		4		
ENGL503	Tiếng Anh		5		
EDSC511	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục		2		
Tổng cộng kỲ 1			11		
EDSC512	Tâm lí học giáo dục		2		
EDSC513	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên		2		
EDMA527	Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục		2		
	Học phần tự chọn 1 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
	Học phần tự chọn 2 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
	Học phần tự chọn 3 (Khối kiến thức cơ sở)		2		
Tổng cộng kỲ 2			12		
EDMA541	Những vấn đề cơ bản của quản lí giáo dục		2		
EDMA542	Tiếp cận quản lí giáo dục hiện đại		2		
EDMA543	Thể chế nhà nước trong giáo dục		2		
EDMA544	Phương pháp và kỹ năng quản lí nhà trường		2		
	Học phần tự chọn 1 (Khối kiến thức chuyên ngành)		2		
	Học phần tự chọn 2 (Khối kiến thức chuyên ngành)		2		
	Học phần tự chọn 3 (Khối kiến thức chuyên ngành)		2		
Tổng cộng kỲ 3			14		
	Chuyên đề nghiên cứu 1				4
	Chuyên đề nghiên cứu 2				4
	Chuyên đề nghiên cứu 3				4
	Luận văn tốt nghiệp				12
Tổng cộng kỲ 4					24

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bồi trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh (5 tín chỉ)

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B2 (tương đương bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản Đại cương nghiên cứu khoa học trong QLGD; Phương pháp luận NCKH giáo dục; Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; Quy trình tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục. Học phần giúp học viên nắm vững những hướng nghiên cứu cơ bản trong khoa học giáo dục và những yêu cầu cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Hình thành các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động NCKH giáo dục.

8.4. Tâm lý học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những lí thuyết khoa học trong tâm lý học về quá trình học tập ở con người, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục, giúp học viên lí giải bản chất của việc học và của người học, mô tả quá trình học tập, đặc điểm của hoạt động học tập, qui luật của hành vi học tập và quan hệ của học tập với những điều kiện sinh học, tâm lí, văn hóa, xã hội v.v... và chỉ ra việc dạy học và giáo dục phải như thế nào thì thích hợp với bản chất tâm lí của người học và việc học.

8.5. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức, phương pháp tư duy và hành động về phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên, đáp ứng những đổi mới của giáo dục nhà trường theo tiếp cận năng lực, giúp người học hiểu được các khái niệm cơ bản như năng lực, tiếp cận năng lực, phát triển nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn đầu ra, mô hình nghiên cứu bài học và việc xác định các con đường, cách thức phát triển giáo viên theo tiếp cận năng lực.

8.6. Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về tổ chức, đặc điểm và các kiểu cơ cấu tổ chức, phương pháp hình thành tổ chức; những vấn đề chung về tổ chức; phương pháp thiết kế tổ chức; yêu cầu và nguyên tắc tổ chức; các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức. Sự thay đổi và phát triển tổ chức; văn hóa tổ chức. Qua đó, học viên phân tích được các đặc điểm của tổ chức; thiết kết được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp hình

thành tổ chức được nghiên cứu và có thái độ tích cực và thói quen ứng xử theo văn hóa tổ chức trong các hoạt động của bản thân.

8.7. Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại (2 tín chỉ)

Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại là lĩnh vực học thuật nền tảng của Lí luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lý thuyết khoa học và các kỹ năng phát triển chương trình, kỹ năng dạy học và phương pháp dạy học được thực hiện qua trình giảng dạy, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Nội dung học phần bao gồm 3 phần chủ yếu: 1/Lí luận và kỹ năng phát triển chương trình giáo dục; 2/Lí luận và ứng dụng phương pháp dạy học; 3/Lí luận và ứng dụng kỹ năng dạy học.

8.8. Chuẩn giáo dục và Lý thuyết chương trình giáo dục (2 tín chỉ)

Chuẩn và lý thuyết chương trình giáo dục là lĩnh vực học thuật nền tảng của lí luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề khoa học, những lý thuyết khoa học về chuẩn giáo dục và chương trình giáo dục nói chung, bản chất, những đặc điểm và ứng dụng cơ bản của chúng trong dạy học và giáo dục. Đó là hai vấn đề luôn gắn chặt với nhau trong phát triển chương trình, quản lý chương trình, hoạt động dạy học của nhà trường. Chương trình giáo dục cần được quản lý và phát triển dựa vào chuẩn giáo dục quốc gia. Ngược lại các chuẩn giáo dục hiện đại thường được phát triển theo tiếp cận năng lực và dựa vào những kỹ thuật nhất định.

8.9. Văn hóa nhà trường hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường; vai trò của hiệu trưởng trong lãnh đạo và phát triển văn hóa nhà trường; hệ thống các giá trị cốt lõi để phát triển văn hóa nhà trường; nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường; cách xác định được các giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường. Thông qua đó học viên có thái độ tích cực, quyết tâm lãnh đạo phát triển văn hóa nhà trường.

8.10. Giáo dục so sánh (2 tín chỉ)

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề về quá trình hình thành và phát triển, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu của giáo dục so sánh; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục, qua đó giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về giáo dục so sánh như: quá trình hình thành, khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; các nguyên tắc, cách tiếp cận và các kỹ thuật so sánh giáo dục.

8.11. Tâm lý học quản lý, lãnh đạo (2 tín chỉ)

Trên nền tảng kiến thức về tâm lý học đại cương đã được học ở đại học, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học trong công tác quản lý, những kiến thức về tâm lý cá nhân, tâm lý tập thể và ý nghĩa của chúng trong công tác của nhà quản lý. Ngoài ra, giúp cho học viên biết được những phẩm chất cơ bản của nhà quản lý, những hiện tượng tâm lý điển hình của nhà quản lý.

8.12. Kinh tế học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và hình thành kỹ năng thuộc lĩnh vực kinh tế học giáo dục của trường học hay cơ quan quản lý giáo dục địa phương; trang bị cho người học biết đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu kinh tế học giáo dục; quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển giáo dục; giáo dục trong điều kiện toàn cầu hóa và kinh tế tri thức; đầu tư phát triển giáo dục thế giới và Việt Nam.

8.13. Xã hội học giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu tổng quan về Xã hội học và Giáo dục học; các vấn đề cơ bản của Xã hội học giáo dục. Qua đó giúp người học khái quát lịch sử phát triển xã hội học, Giáo dục học và Xã hội học giáo dục, hiểu các khái niệm và phạm trù cơ bản của xã hội học giáo dục; mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục và các lĩnh vực khác của xã hội học.

8.14. Những vấn đề cơ bản của quản lý giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần này sẽ đem đến cho người học những kiến thức chung về khoa học quản lý giáo dục làm cơ sở nền tảng cho việc xem xét quá trình quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, đồng thời đem đến cho người học những kinh nghiệm trong quản lý giáo dục ở các nước và vấn đề đổi mới quản lý giáo dục hiện nay.

8.15. Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần giúp học viên có những hiểu biết, cách nhìn và cách giải quyết trên bình diện tổng thể các vấn đề về giáo dục và quản lý giáo dục. Đó là các tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận lí thuyết hành vi, tiếp cận văn hóa quản lý, tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể, tiếp cận dựa vào nhà trường.

8.16. Thể chế nhà nước trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những khái niệm về quản lý Nhà nước; phân tích đặc điểm, nội dung và hình thức quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở nước ta; quản lý hành chính nhà nước về giáo dục và đào tạo; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình quốc gia về phát triển giáo dục; quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, trường sở và thiết bị giáo dục, quy chế thi và hệ thống văn bằng; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục; chính sách GD&ĐT; quy trình và phương pháp triển khai chính sách trong QLNN về GD&ĐT; phương pháp phân tích đánh giá trong QLNN về GD&ĐT; quản lý và thực thi hệ thống văn bản quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo; văn bản QLNN trong GD&ĐT.

8.17. Phương pháp và kỹ năng quản lý nhà trường (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Quản lý nhà trường (bản chất của quản lý nhà trường, đặc điểm của quản lý nhà trường, nhiệm vụ của quản lý nhà trường vai trò của hiệu trưởng trong quản lý nhà trường); cung cấp một số kiến thức và hướng dẫn rèn luyện phương pháp quản lý nhà trường và các kỹ năng quản lý nhà trường.

8.18. Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng chiến lược giáo dục; những vấn đề có tính chất phương pháp luận, quan điểm, quy trình cũng như phương pháp xây dựng chiến lược phát triển giáo dục; chính sách giáo dục, quy trình xây dựng và thực thi chính sách giáo dục.

8.19. Quản lí chương trình giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về xây dựng và phát triển chương trình học và tổ chức quá trình đào tạo, từ đó giúp người học chủ động áp dụng kiến thức đã học vào chương trình giảng dạy thực tế.

8.20. Quản lí nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục. Trong đó, chú ý mục tiêu, chức năng, vai trò môi trường của quản trị nhân sự; học viên phân tích được công việc, biết hoạch định nguồn nhân lực, biết cách tuyển nhân sự hiệu quả, biết sử dụng và phát triển nguồn nhân sự ngày một chất lượng cao.

8.21. Quản lí tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản lý tài chính - CSVC, biện pháp quản lí các hoạt động này trong nhà trường, làm cơ sở để học viên nghiên cứu, thực hiện việc quản lí, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động này ở nhà trường. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lí chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lí chuyên môn ở các cấp quản lí giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lí chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường).

8.22. Quản lí chuyên môn trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chuyên môn và chuyên môn trong giáo dục; kiến thức cơ bản về quản lí chuyên môn trong giáo dục (khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ của quản lí chuyên môn ở các cấp quản lí giáo dục, đặc biệt là nhiệm vụ quản lí chuyên môn ở cấp cơ sở (nhà trường).

8.23. Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Dự báo (khái niệm, vai trò và nguyên tắc của dự báo, phân loại dự báo và phương pháp dự báo); cung cấp một số kiến thức cơ bản về thống kê (khái niệm, vị trí vai trò của thống kê, các loại thống kê, phương pháp thống kê); cung cấp những kiến thức cơ bản về thông tin và hệ thống thông tin quản lí giáo dục, thực trạng hệ thống thông tin quản lí giáo dục Việt Nam.

8.24. Quản lí chất lượng trong giáo dục (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cơ sở tri thức khoa học ở trình độ sau đại học và hướng dẫn nghiên cứu về quản lí chất lượng giáo dục, ứng dụng nó một cách hệ thống, thiết thực vào công tác quản lí, đáp ứng yêu cầu hiểu và áp dụng những cơ sở tri thức này ở cơ sở giáo dục và các cấp quản lí giáo dục. Trong đó, chú trọng vấn đề về chất lượng và quản lí chất lượng

giáo dục, các mô hình quản lý chất lượng tổng thể (TQM) và các mô hình quản lý chất lượng theo chuẩn ISO, trong đó đặc biệt nhấn mạnh những cách hiểu mới và thích hợp với bối cảnh nghiên cứu và thực tiễn quản lý giáo dục hiện nay ở Việt Nam.

8.25. Các chuyên đề nghiên cứu (12 tín chỉ)

Chuyên đề nghiên cứu là các học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục theo định hướng nghiên cứu. Thông qua thực hiện các chuyên đề nghiên cứu, học viên tìm hiểu sâu các vấn đề mang tính nguyên lý liên quan đến lĩnh vực Quản lý giáo dục, đồng thời phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực được đào tạo. Mỗi học viên lựa chọn 03 chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản lý giáo dục, thực hiện nghiên cứu chuyên đề dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu các chuyên đề có thể được phát triển thành luận văn tốt nghiệp.

8.26. Luận văn tốt nghiệp (12 tín chỉ)

Học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu, kết quả được thể hiện bằng luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên; có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.

- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.

- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.4. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.
- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.
- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

HIỆU TRƯỞNG